

NHẬN THỨC VỀ TRÁCH NHIỆM CÔNG DÂN CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY

Lê Anh Vũ

Trường Đại học Thủ Dầu Một
Email: vula@tdmu.edu.vn

Article history

Received: 30/11/2023

Accepted: 28/12/2023

Published: 20/02/2024

Keywords

Citizen responsibilities,
students, global citizens,
social responsibilities, rights
and obligations

ABSTRACT

Students' civic responsibility is an issue that needs addressing in the context of Vietnam's developing digital economy based on science, technology and creative innovation. This research study was conducted using mixed research methods with data surveyed from 26,331 students and 75 in-depth interviews conducted in 6 regions across the country. The research results show that students tend to choose civic responsibilities related to themselves, family and country rather than those related to the community. We propose that it is necessary to continue to organize promotional activities so that students clearly understand the regulations on civic responsibilities in the 2020 Youth Law. In addition, Youth Union and Youth Association organizations need to strengthen ideological and lifestyle education with programs and activities suitable to the needs of students in the current context. This study is the basis for further research to propose a number of measures to improve the civic responsibility of Vietnamese students.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh Việt Nam đang tập trung phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, sinh viên (SV) được coi là tầng lớp trí thức, là lực lượng xã hội quan trọng trong việc thực hiện chiến lược của quốc gia. Chính vì thế trách nhiệm công dân (TNCD) của SV cũng là một trong những vấn đề rất được quan tâm. Điều này được thể hiện tại Điều 12, 13, 14 và 15 của Luật Thanh niên số 57/2020/QH14 ngày 16/6/2020 qua 4 nhóm tiêu chí: (1) Trách nhiệm đối với Tổ quốc; (2) Trách nhiệm đối với Nhà nước và xã hội; (3) Trách nhiệm đối với gia đình; (4) Trách nhiệm đối với bản thân. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng không chỉ đáp ứng yêu cầu về chức năng quản lý xã hội mà còn giúp cho thanh niên và SV xác định được trách nhiệm đối với bản thân và xã hội một cách rõ ràng, cụ thể. Về mặt nghiên cứu ở Việt Nam, TNCD của SV cũng là chủ đề chính của trong một số nghiên cứu như Nguyễn Thị Luyến và Nguyễn Thị Thúy Cường (2022), Thành Đoàn TP. Hồ Chí Minh (2023), Love Frankie & IRL (2020). Những nghiên cứu này đã phản ánh phần nào quan niệm của SV về TNCD cũng như đề cập đến một số yếu tố có ảnh hưởng đến cách mà SV nhìn nhận về TNCD như trải nghiệm cá nhân, nơi xuất thân, ý thức về cộng đồng,...

Từ cơ sở kế thừa và phân tích các nghiên cứu đã đề cập, bài báo được thực hiện dựa trên việc phân tích dữ liệu của 26311 SV ở tất cả các khu vực trên cả nước. Nội dung của bài báo tập trung vào mô tả thực trạng lựa chọn các tiêu chí thuộc về TNCD của SV và bước đầu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến TNCD của SV như nơi gia đình sinh sống, khu vực địa lý và sự tham gia vào các hoạt động do Hội SV tổ chức.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Nội dung về trách nhiệm công dân

Theo Nguyễn Văn Phúc (2008) khi cho rằng, trách nhiệm là khả năng của con người ý thức được những kết quả hoạt động của mình, đồng thời là khả năng thực hiện một cách tự giác những nghĩa vụ được đặt ra cho mình đối với người khác và xã hội. Birzea (2000) định nghĩa “*công dân*” là thành viên của một xã hội độc lập, tự chủ, thực hiện các quyền và tự do của mình cùng với trách nhiệm xã hội, tôn trọng các quyền và tự do của người khác, tôn trọng sự khác biệt giữa họ và tôn trọng các nguyên tắc bình đẳng và các quy tắc khác. Trong bối cảnh quốc tế hóa và toàn cầu hóa hiện nay, khái niệm về “*công dân toàn cầu*” cũng được đề cập khá nhiều, Schattle (2009) định nghĩa, thuật ngữ “*công dân toàn cầu*” theo ba khía cạnh: (1) Cảm giác quan tâm của một cá nhân đối với xã hội và môi trường; (2) Nhận thức toàn cầu; (3) Sự tham gia của công dân trong cộng đồng khu vực và toàn cầu. Ở góc nhìn khái quát hơn, Reysen và cộng sự (2012) khi bàn về “*công dân toàn cầu*” đã đề cập đến nhận thức của cá nhân về các vấn đề toàn cầu, quan tâm đến xã hội toàn cầu, cũng như chấp nhận sự đa dạng văn hóa và ý thức trách nhiệm vì một xã hội tốt đẹp hơn.

Về xây dựng quyền công dân, kết quả khảo sát của Kennedy và cộng sự (2008) về quan điểm của SV ở Úc, Hồng Kông và Mỹ đã cho thấy điểm chung về TNCD là đi bầu cử, tôn trọng lãnh đạo đất nước và hiểu về lịch sử dân tộc. Họ đánh giá cao việc giúp đỡ người dân trong cộng đồng của mình, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và tham gia các hoạt động thúc đẩy nhân quyền. Điểm đáng chú ý các tác giả đều cho rằng, giới trẻ ở cả ba quốc gia có xu hướng quan tâm thực hiện các giá trị và trách nhiệm mang tính cá nhân nhiều hơn là các trách nhiệm liên quan đến xã hội. Ở Thái Lan, Supon và cộng sự (2022) đề cập tới các chỉ số công dân của SV, bao gồm: (1) Trách nhiệm; (2) Tôn trọng sự bình đẳng; (3) Tôn trọng quyền của người khác; (4) Tinh thần cộng đồng; (5) Vai trò và trách nhiệm của bản thân; (6) Quyền và tự do.

Ở Việt Nam, Nguyễn Thị Luyến và Nguyễn Thị Thúy Cường (2022) cho thấy, phần lớn SV nhận thức được quy định về TNCD và có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, nhà nước, xã hội và Tổ quốc, trong đó trách nhiệm đối với Tổ quốc và gia đình được xác định rõ ràng hơn so với trách nhiệm đối với bản thân, nhà nước và xã hội. Nguyên nhân chính là do ý thức bản thân của SV, tác động của gia đình, xã hội và giáo dục của nhà trường. Bên cạnh đó, báo cáo khảo sát của Thành đoàn TP. Hồ Chí Minh cũng chỉ ra SV đặt trách nhiệm “*rèn luyện đạo đức, lối sống*” lên cao nhất, sau đó là quan tâm và lựa chọn việc “*học tập đạt kết quả tốt*” và “*trau dồi kỹ năng thực hành xã hội*”. Những kết quả này cho thấy, đa số SV có ý thức trong việc học tập, rèn luyện và phát triển bản thân. Ở phạm vi rộng hơn khi đề cập đến trách nhiệm của thế hệ trẻ ở Việt Nam, báo cáo của Love Frankie & IRL (2020) phản ánh người trẻ ở Việt Nam đang có xu hướng quan tâm nhiều hơn đến những giá trị và trách nhiệm mang tính cá nhân hơn là những giá trị mang tính cộng đồng.

Tóm lại, từ việc tổng quan các khái niệm liên quan đến TNCD của SV cũng như những nghiên cứu liên quan đến chủ đề này trên thế giới và ở Việt Nam cho thấy đây là chủ đề thu hút rất nhiều sự quan tâm ở phạm vi quốc gia và cả quốc tế. Những nghiên cứu so sánh giữa các quốc gia cho thấy ảnh hưởng của hệ thống chính trị cũng như cách triển khai các hoạt động giảng dạy về TNCD trong nhà trường có ảnh hưởng rất quan trọng đối với nhận thức và hành động của SV. Từ việc kế thừa những nghiên cứu trước đó, tác giả cho rằng: “*Nhận thức TNCD của SV là ý thức và bổn phận của SV với tư cách là một thành viên chính thức của một quốc gia đối với xã hội mà mình thuộc về, là sự tự giác thực hiện nghĩa vụ của bản thân đối với xã hội, là mong muốn nhận trách nhiệm hoặc thúc đẩy sự phát triển xã hội tiến lên cũng như giải quyết các vấn đề xã hội ở mọi cấp độ từ gia đình, cộng đồng đến đất nước, khu vực và thế giới*”. Về mặt đo lường, tác giả kế thừa nghiên cứu của Kennedy và cộng sự (2007), Nguyễn Thị Luyến và Nguyễn Thị Thúy Cường (2022), đồng thời bổ sung và chỉnh sửa với các chỉ báo đo lường cụ thể về trách nhiệm với bản thân (học tập tốt; phát triển sự nghiệp bản thân); trách nhiệm với gia đình (chăm sóc người thân trong gia đình); trách nhiệm với cộng đồng (dẫn thân phục vụ cộng đồng; đấu tranh cho công lí, lẽ phải); trách nhiệm với đất nước (bảo vệ môi trường; hội nhập và quảng bá hình ảnh đất nước).

2.2. Khảo sát nhận thức của sinh viên Việt Nam hiện nay về trách nhiệm công dân

2.2.1. Khái quát khảo sát

Khảo sát này được thực hiện nhằm tìm hiểu nhận thức về TNCD của SV Việt Nam hiện nay thông qua việc sử dụng phương pháp hỗn hợp kết hợp giữa định lượng và định tính. Đối với dữ liệu định lượng, khảo sát thực hiện với 26331 SV được chọn thuận tiện theo các tiêu chí về loại hình trường (công lập và ngoài công lập); khu vực địa lí (vùng Trung du và Miền núi phía Bắc; vùng Đồng bằng sông Hồng; vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; vùng Tây Nguyên; vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long) bằng hình thức trực tuyến trên nền tảng REDCap từ ngày 01/6/2023-30/6/2023. Đối với dữ liệu định tính, tác giả tiến hành phỏng vấn sâu trực tiếp 82 SV trên cả nước theo các tiêu chí về loại hình trường, khu vực, năm học, ngành học và giới tính. Sau khi kiểm tra chất lượng thông tin, có 75 phỏng vấn sâu được sử dụng để phân tích.

Phương pháp phân tích thông tin định lượng được sử dụng trong bài báo với các thủ tục thống kê mô tả bằng tần số, tỉ lệ phần trăm và thống kê suy diễn với kiểm định Chi - Square bằng phần mềm SPSS 20.0. Đối với xử lí thông tin định tính, tác giả phân tích thông tin dựa trên cơ sở dữ kiện thực địa (grounded theoretical analysis) với quy trình như sau: (1) Mã hóa thông tin (coding); (2) Xây dựng bản mã (code book) - dàn ý; (3) Ráp mã; (4) Viết mô tả dữ liệu; (5) Phân tích, giải thích dữ liệu và (6) Lí giải, tranh luận học thuật. Dữ liệu định tính được mã hóa, xử lí và phân tích bằng phần mềm NVIVO 14.

2.2.2. Kết quả khảo sát

2.2.2.1. Kết quả phân tích định lượng

Kết quả bảng 1 cho thấy, TNCD được SV đề cao theo tỉ lệ phần trăm trả lời lần lượt là: (1) trách nhiệm cá nhân; (2) trách nhiệm với gia đình; (3) trách nhiệm với đất nước; (4) trách nhiệm với cộng đồng xã hội. Cụ thể, trong trách

nhệm cá nhân có hai chỉ báo về “học tập tốt” và “phát triển sự nghiệp bản thân” có tỉ lệ phần trăm được lựa chọn là cao nhất với 80.5% và 75%. Xếp thứ hai là trách nhiệm đối với gia đình với hai chỉ báo về “chăm sóc người thân, gia đình” và “giữ gìn truyền thống gia đình” có tỉ lệ phần trăm khá tương đồng với 57.7% và 57.6%. Trách nhiệm được quan tâm tiếp theo là trách nhiệm với đất nước thông qua “bảo vệ môi trường” (54%) và “hội nhập và quảng bá hình ảnh đất nước” (50.4%). Dường như, SV chưa thực sự quan tâm đến các trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội khi chỉ có 1/3 SV cho rằng mình sẵn sàng “dấn thân phục vụ cộng đồng” (33.3%) và “đấu tranh cho công lí, lẽ phải” (42.9%). So sánh với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Duyên và Nguyễn Thị Thúy Cường (2022), những số liệu khảo sát này có những điểm tương đồng khi trách nhiệm với gia đình và trách nhiệm với đất nước được SV ở hai nghiên cứu đều cao. Tuy nhiên, nghiên cứu này lại cho thấy SV trong mẫu khảo sát này đề cao giá trị của bản thân nhiều hơn và xếp ở vị trí cao nhất.

Bảng 1. Nhận thức về TNCD của SV theo nơi gia đình sinh sống

| Trách nhiệm công dân | Nơi gia đình sinh sống | | | | | |
|--|------------------------|-------------|-------------|-------------|--------------|------------|
| | Thành thị | | Nông thôn | | Tổng | |
| | N | % | N | % | N | % |
| Học tập tốt | 13725 | 80.6 | 7464 | 80.2 | 21189 | 85.0 |
| Phát triển sự nghiệp bản thân | 13444 | 77.7*** | 6869 | 73.8 | 19793 | 75.2 |
| Chăm sóc người thân, gia đình | 9502 | 55.8 | 5680 | 61.0*** | 15182 | 57.7 |
| Giữ gìn truyền thống gia đình | 9566 | 56.2 | 5597 | 60.1*** | 15163 | 57.6 |
| Đấu tranh cho công lí, lẽ phải | 7191 | 42.2 | 4102 | 44.1** | 11293 | 42.9 |
| Dấn thân phục vụ cộng đồng | 5568 | 32.7 | 3196 | 34.3*** | 8764 | 33.3 |
| Bảo vệ môi trường | 9035 | 53.1 | 5171 | 55.5*** | 14206 | 54.0 |
| Hội nhập và quảng bá hình ảnh Đất nước | 8678 | 51.0* | 4594 | 49.4 | 13272 | 50.4 |
| Khác | 64 | 3.8 | 315 | 3.3 | 955 | 3.6 |
| Tổng | 17302 | 64.6 | 9309 | 35.4 | 26311 | 100 |

Chú thích: *: p -value < 0,05; **: p -value < 0,01; ***: p -value < 0,001

Khi phân tích nhận thức về TNCD theo nơi gia đình sinh sống của SV bằng kiểm định Chi - Square, kết quả cho thấy có sự khác nhau ở các nhóm TNCD theo nơi cư trú của gia đình SV. Ở trách nhiệm với bản thân dù xu hướng chung là SV đều có xu hướng lựa chọn nhiều nhất nhưng SV có gia đình ở khu vực thành thị lại có mức độ lựa chọn cao hơn so với SV ở nông thôn, như tiêu chí “Phát triển sự nghiệp bản thân” có đến 77.7% SV ở thành thị lựa chọn so với 73.8% ở nông thôn. Bên cạnh đó, tiêu chí “Học tập tốt” với tỉ lệ lựa chọn SV thành thị là 80.6% so với 80.2% SV ở nông thôn. Ở chiều ngược lại, những trách nhiệm liên quan đến gia đình, SV nông thôn lại có lựa chọn cao hơn so với SV thành thị như “chăm sóc người thân, gia đình” có 60.1% so với 55.8% lựa chọn của SV đến từ thành thị. Tương tự, ở trách nhiệm với cộng đồng, SV ở nông thôn lại có xu hướng đánh giá cao hơn so với SV ở thành thị. Tiêu biểu như “dấn thân phục vụ cộng đồng” tỉ lệ lựa chọn của SV đến từ nông thôn là 34.3% so với 32.7%. Bên cạnh đó, tiêu chí “đấu tranh cho công lí, lẽ phải” cũng có tỉ lệ chênh lệch là 44,1% so với 42,2%. Những kết quả này phản ánh tính cá nhân hóa đang là xu hướng của SV hiện nay, tuy nhiên yếu tố về khu vực sinh sống giữa thành thị và nông thôn vẫn đang có những ảnh hưởng đáng kể đến SV khi những người có gia đình sống ở thành thị có xu hướng đề cao trách nhiệm cá nhân hơn các trách nhiệm với gia đình và cộng đồng; trong khi đó, cảm xúc về tính tập thể và cộng đồng lại thể hiện rõ hơn ở nhóm SV đến từ nông thôn. Kết quả nghiên cứu này là khá tương đồng với khảo sát của Love Frankie & IRL (2020) về giới trẻ ở Việt Nam khi nghiên cứu này cũng chỉ ra sự khác biệt trong định hướng giá trị của người trẻ ở thành thị và nông thôn.

Bên cạnh khu vực sinh sống của gia đình, tác giả tiếp tục so sánh TNCD theo khu vực địa lí. Ý tưởng này xuất phát từ quan điểm của Almond và cộng sự (2004), Kennedy và cộng sự (2007) khi đều cho rằng văn hóa, chính trị hay các giá trị và thái độ của người trẻ đối với xã hội chịu ảnh hưởng và tồn tại một cách độc đáo, riêng biệt trong những không gian văn hóa khác nhau. Kết quả bảng 2 cho thấy những lập luận này của các nghiên cứu là phù hợp với dữ liệu khảo sát của tác giả. Có sự khác nhau khá rõ giữa SV các khu vực khi lựa chọn các tiêu chí. Đối với SV vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, việc “học tập tốt” và “chăm sóc người thân, gia đình” là những lựa chọn hàng đầu của họ với các tỉ lệ tương ứng là 83% và 62.3%. Bên cạnh đó, trách nhiệm với cộng đồng thông qua việc sẵn sàng “đấu tranh cho công lí, lẽ phải” cũng được SV vùng này lựa chọn nhiều nhất trong các khu vực (44.7%). Trong khi đó, “phát triển sự nghiệp bản thân” lại được SV ở ba khu vực Đồng bằng sông Hồng, khu vực Đồng bằng

sông Cửu Long và khu vực Đông Nam Bộ có sự quan tâm nhiều hơn so với các khu vực khác (75.7%; 77.3 và 78.4%). Đối với trách nhiệm SV ở ba khu vực này cũng thể hiện họ lựa chọn các trách nhiệm với Đất nước nhiều hơn các khu vực khác khi trách nhiệm “bảo vệ môi trường” và “hội nhập và quảng bá hình ảnh Đất nước” được họ lựa chọn nhiều nhất. Đối với SV vùng Tây Nguyên, họ lựa chọn trách nhiệm “dẫn thân phục vụ cộng đồng” là cao nhất so với các khu vực với tỉ lệ 35.8%. Chúng tôi cho rằng, yếu tố địa lí và văn hóa vùng miền có thể ảnh hưởng đến quan niệm về TNCD như Almond và cộng sự (2004) đã đề cập.

Bảng 2. Nhận thức về TNCD của SV theo khu vực địa lí

| Nội dung | Khu vực | | | | | |
|--|-------------------------------|---------------------|--------------------------------------|------------|-------------|-------------------------|
| | Trung du và Miền núi phía Bắc | Đồng bằng sông Hồng | Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung | Tây Nguyên | Đông Nam Bộ | Đồng bằng sông Cửu Long |
| Học tập tốt | 79.3 | 79.9 | 83.8*** | 82.0 | 79.8 | 81.5 |
| Phát triển sự nghiệp bản thân | 71.9 | 75.7 | 69.2 | 75.5 | 78.4 | 77.3 |
| Chăm sóc người thân, gia đình | 53.7 | 60.8 | 62.3*** | 52.4 | 56.9 | 60.2 |
| Giữ gìn truyền thống gia đình | 52.5 | 62.1 | 53.3 | 61.1 | 61.2 | 56.5 |
| Đấu tranh cho công lí, lẽ phải | 41.7 | 42.9 | 44.7*** | 38.1 | 44.6 | 43.9 |
| Dẫn thân phục vụ cộng đồng | 31.4 | 34.3 | 28.7 | 35.8*** | 34.7 | 32.2 |
| Bảo vệ môi trường | 49.4 | 54.9 | 46.9 | 55.3 | 57.5*** | 56.5 |
| Hội nhập và quảng bá hình ảnh Đất nước | 48.7 | 53.9*** | 49.0 | 47.5 | 49.5 | 49.3 |
| Khác | 3.7 | 3.7 | 3.9 | 4.7 | 3.3 | 2.8 |
| | N=4781 | N=7798 | N=2441 | N=2388 | N=6165 | N=2758 |

Chú thích: *: p -value < 0,05; **: p -value < 0,01; ***: p -value < 0,001

Kết quả nghiên cứu ở bảng 3, cho thấy ảnh hưởng rất tích cực của việc có tham gia hội SV đến nhận thức về TNCD của SV, kết quả được thể hiện ở bảng 3 sau đây:

Bảng 3. Nhận thức về TNCD của SV theo việc tham gia Hội SV

| Trách nhiệm công dân | Tham gia Hội SV | |
|--|-----------------|----------|
| | Có | Không |
| Học tập tốt | 81.4*** | 78.2 |
| Phát triển sự nghiệp bản thân | 75.5 | 74.3 |
| Chăm sóc người thân, gia đình | 58.6*** | 55.4 |
| Giữ gìn truyền thống gia đình | 58.5*** | 55.3 |
| Đấu tranh cho công lí, lẽ phải | 44.0*** | 40.0 |
| Dẫn thân phục vụ cộng đồng | 34.8*** | 29.5 |
| Bảo vệ môi trường | 54.6** | 52.3 |
| Hội nhập và quảng bá hình ảnh Đất nước | 52.1*** | 46.2 |
| | N = 18876 | N = 7455 |

Chú thích: *: p -value < 0,05; **: p -value < 0,01; ***: p -value < 0,001

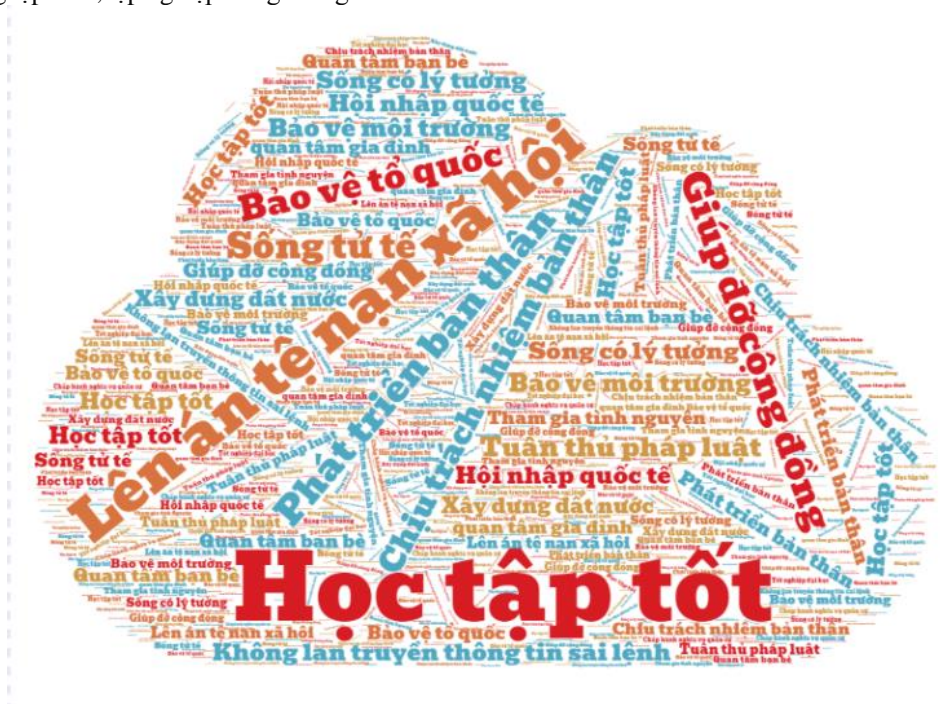
Dữ liệu từ bảng 3 cho thấy trong 8 tiêu chí về TNCD, ngoại trừ “phát triển sự nghiệp bản thân” có sự chênh lệch giữa nhóm có tham gia và không tham gia Hội SV là không lớn để có sự khác biệt về thống kê (75.5% so với 74.3%). Ở tất cả các tiêu chí còn lại, nhóm SV có tham gia Hội SV đều có tỉ lệ lựa chọn cao hơn so với nhóm không tham gia. Kết quả này phần nào cho thấy, thông qua những hoạt động, chương trình, Hội SV cũng góp phần nâng cao TNCD của SV, tạo điều kiện cho SV học tập, rèn luyện và tham gia vào các hoạt động xã hội và tình nguyện, thể hiện vai trò xung kích của thế hệ trẻ với cộng đồng, đóng góp sức trẻ vào sự phát triển của đất nước.

2.2.2.2. Kết quả phân tích định tính

Chủ đề về TNCD được SV bàn luận khá nhiều khi có đến 70/75 SV có trả lời với 119 ý kiến được đưa vào phân tích. Hình 1 cho thấy, SV đều đề cập đến 4 nhóm trách nhiệm mà tác giả phân tích bao gồm trách nhiệm với bản thân; trách nhiệm với gia đình; trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và trách nhiệm với đất nước.

Xét ở các tiêu chí cụ thể, nổi bật lên những ý kiến liên quan đến trách nhiệm của bản thân: “học tập tốt” (31 lần được đề cập); “phát triển bản thân” (13 lần); “chịu trách nhiệm bản thân” (22 lần); “sống tử tế” (6 lần) và “sống có lí tưởng” (8 lần). Ý kiến của SV nữ ngành Quản trị khách sạn tại một trường ngoài công lập ở TP. Hà Nội đại diện cho

xu hướng đề cập đến trách nhiệm cá nhân của SV: “SV cần học tập tốt, rèn luyện tốt, chuẩn bị kỹ hành trang cho bản thân để trở thành một người công dân tốt. Bản thân tốt thì mới có thể phát triển, giúp đỡ được cho gia đình và xã hội. Đồng thời, bản thân phải sống có trách nhiệm với những việc mình làm và có trách nhiệm đối với những đóng góp của mình” (PVS 69). Lí giải sâu hơn về trách nhiệm “học tập tốt”, Nam SV ngành Xã hội học ở một trường công lập tại TP. Cần Thơ khẳng định: “Trách nhiệm lớn nhất của SV là học tập tốt để trau dồi kiến thức chuyên môn mình đang theo học vì sau khi ra trường, mỗi SV sẽ làm lĩnh vực khác nhau và tất cả lĩnh vực đó đều nhằm mục tiêu duy nhất là phát triển xã hội, phát triển đất nước” (PVS 11). Những kết quả này cho thấy xu hướng quan tâm đến trách nhiệm của bản thân là xu hướng chủ đạo của thế hệ SV hiện nay như nghiên cứu của Love Frankie & IRL (2020), Thành đoàn TP. Hồ Chí Minh (2023). Bên cạnh đó, cách SV nhìn nhận về TNCD là học tập thực sự đúng đắn và phù hợp. Bởi lẽ, chỉ có học tập thật tốt cả kiến thức và kỹ năng thì SV mới có thể tự tin và đầy đủ hành trang cho bước đường lập thân, lập nghiệp trong tương lai.



Hình 1. Ma trận từ khóa về trách nhiệm xã hội do SV đề xuất

Bên cạnh trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm đối với cộng đồng cũng được nhiều SV đề cập như: “tham gia tình nguyện” (12 lần) và các hoạt động “giúp đỡ cộng đồng” (13 lần). Nam SV ngành Điều dưỡng ở một trường công lập tại tỉnh Thái Nguyên bày tỏ về trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng: “Là SV, mình thấy trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng là trách nhiệm cao cả, mình sẽ tiếp tục tham gia nhiều chương trình thiện nguyện để hỗ trợ cộng đồng, đó là trách nhiệm, là lòng trắc ẩn mà mình muốn trao đi sẽ không nhận lại, đó là cái giá trị của một con người, giá trị của một SV” (PVS 25). Trách nhiệm về “bảo vệ môi trường” cũng được SV nhắc đến khá nhiều. Nam SV ngành Du lịch ở một trường đại học công lập tại TP. Cần Thơ cho rằng: “Trách nhiệm lớn của SV hiện này là phải chung tay bảo vệ môi trường vì môi trường là không gian sống của chúng ta, SV không chỉ thể hiện bằng ý thức mà còn phải có trách nhiệm tuyên truyền cho người dân hiểu về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, tránh xả rác thải, phá rừng...” (PVS 09).

Không chỉ có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng, nhiều SV cũng chia sẻ trách nhiệm của bản thân đối với đất nước như “xây dựng đất nước” (6 lần); “hội nhập quốc tế” (5 lần) và “bảo vệ tổ quốc” (7 lần). Trong chia sẻ của bạn SV ngành Du lịch ở một trường ngoài công lập tại TP. Cần Thơ cũng đề cập đến TNCD cao quý này: “SV cần xây dựng hình ảnh năng động, sáng tạo và tích cực chia sẻ những hình ảnh đẹp của đất nước, những câu chuyện truyền cảm hứng để người nước ngoài biết đến Việt Nam nhiều hơn. Những dữ liệu này cho thấy SV có ý thức trong việc xây dựng và quảng bá những giá trị tích cực, thành tựu và tiềm năng của đất nước. SV có thể sử dụng các phương tiện truyền thông, bài viết, bài thuyết trình hoặc các sự kiện để chia sẻ những câu chuyện thành công và những điểm mạnh của đất nước.

Bên cạnh những ý kiến tâm huyết và bày tỏ quan điểm về TNCD một cách rõ ràng, kết quả phỏng vấn sâu còn phản ánh có những SV dường như chưa quan tâm đến chủ đề này qua việc họ bày tỏ sự ngạc nhiên: “SV có trách nhiệm gì?. Mình nói thật là mình chưa bao giờ nghĩ đến việc đó, nghe rất vĩ mô” (PVS 56) hay: “Mình không quan tâm vì mình thấy cuộc sống quá phức tạp rồi, mình cảm thấy thêm trách nhiệm nữa thì mệt mỏi lắm, mình sống vì mình thôi” (PVS 66). Thực trạng này cũng đặt ra những vấn đề liên quan đến nhận thức của SV về TNCD, khi có một số SV có lối sống thực dụng, chỉ quan tâm đến bản thân và “xa rời” các hoạt động xã hội có ý nghĩa rất cần được quan tâm và có giải pháp hỗ trợ.

Chúng tôi cho rằng những ý kiến trên của SV từ 75 cuộc phỏng vấn sâu mà tác giả phân tích thực sự có giá trị tham khảo để các tổ chức Đoàn - Hội có thể tổ chức các hoạt động phù hợp với nhu cầu của SV góp phần nâng cao ý thức về TNCD trong SV Việt Nam.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy, nhận thức về TNCD được SV đề cao theo tỉ lệ phần trăm trả lời lần lượt là: (1) trách nhiệm cá nhân; (2) trách nhiệm với gia đình; (3) trách nhiệm với đất nước; (4) trách nhiệm với cộng đồng xã hội. Các yếu tố về nơi xuất thân của gia đình và khu vực có ảnh hưởng rõ rệt đến sự lựa chọn các tiêu chí TNCD. Trong đó, SV xuất thân từ nông thôn có xu hướng đề cập đến các tiêu chí liên quan đến cộng đồng và xã hội nhiều hơn SV có xuất thân từ thành thị. Chúng tôi cũng nhận thấy rằng, yếu tố về văn hóa và điều kiện KT-XH ở các khu vực địa lí khác nhau cũng có ảnh hưởng đến sự lựa chọn của SV. Sự khác nhau giữa SV khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung với SV khu vực Đông Nam Bộ và khu vực Đồng bằng sông Hồng trong nhận thức về TNCD mà chúng tôi đã phân tích ở phần nội dung đã cho thấy rõ điều đó.

Ngoài ra, việc có tham gia các hoạt động do Hội SV tổ chức có ảnh hưởng tích cực đến TNCD của SV, cụ thể: vai trò của các tổ chức Đoàn - Hội là rất quan trọng trong việc định hướng giá trị sống, trách nhiệm và nghĩa vụ của SV không chỉ với bản thân mà còn với cộng đồng, xã hội và đất nước. Việc tổ chức các hoạt động, chương trình thật sự phù hợp và đáp ứng nhu cầu của SV là giải pháp cần được các tổ chức Đoàn - Hội thực hiện trong thời gian tới.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ của Hội Sinh viên Việt Nam qua đề tài “Lối sống và định hướng giá trị của sinh viên hiện nay”.

Tài liệu tham khảo

- Almond, G. A., Powell, G. B., Strom, K., & Dalton, R. J. (2004). *Comparative politics today: A world view*. New York, NY: Longman.
- Birzea, C. (2000). *Council for cultural cooperation (CDCC): Education for democratic citizenship project. Education for democratic citizenship: A lifelong learning perspective*. Strasbourg: The Council of Europe.
- Kennedy, K. J., Hahn, C. L., & Lee, W. (2008). Constructing Citizenship: Comparing the Views of Students in Australia, Hong Kong, and the United States. *Comparative Education Review*, 52(1), 53-91. <https://doi.org/10.1086/524306>
- Love Frankie & IRL (2020). *Báo cáo nghiên cứu thế hệ trẻ*. <https://www.britishcouncil.vn/sites/default/files/nghien-cuu-the-he-tre-viet-nam.pdf#page=21&zoom=100,0,0>
- Nguyễn Thị Luyến, Nguyễn Thị Thúy Cường (2022). Sinh viên với trách nhiệm công dân - Một số vấn đề lí luận và kết quả khảo sát. *Tạp chí Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Khoa học xã hội Vùng Nam Bộ - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*, 2(282), 13-24.
- Nguyễn Văn Phúc (2008). *Tự do và trách nhiệm trong hoạt động của con người*. Trong Phạm Văn Đức (chủ biên), Đặng Hữu Toàn, Trần Văn Đoàn, Ulrich Dornberg (2008). *Công bằng xã hội trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội*. NXB Khoa học Xã hội.
- Quốc hội (2020). *Luật Thanh niên*. Luật số 57/2020/QH14, ban hành ngày 16/6/2020.
- Reysen, S., Larey, L. W., & Katzarska-Miller, I. (2012). College course curriculum and global citizenship. *International Journal of Development Education and Global Learning*, 4(3), 27-40. <https://doi.org/10.18546/IJDEGL.04.3.03>
- Schattle, H. (2009). Global citizenship in theory and practice In R. Lewin (Ed.), *The handbook of practice and research in study abroad: higher education and the quest for global citizenship* (pp. 3-18). London: Routledge.
- Supon, R., Khammantakhun, W., & Srisombut, K. (2022). Development of Student Citizenship Indicators in Northeast of Thailand. *International Education Studies*, 15(5), 164-173.
- Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh (2023). *Báo cáo khảo sát xã hội: Những yếu tố tác động đến sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*. NXB Trẻ.